TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-03-2022
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng.

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh H**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà x, khu tập thể H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú: Số nhà y, đường H, tổ z (tổ c cũ), phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều V**, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà g, ngõ s, đường N, tổ v (tổ b cũ), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh H, chị V đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày***: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều V tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 23/11/2017 tại UBND phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại số nhà 211-213, đường Hai Bà Trưng, tổ 3 (tổ 16 cũ), phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng giữa năm 2019 thì anh không hiểu lý do gì mà chị V không quan tâm đến anh, không có ý thức xây dựng cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02/2020 chị V đã tự ý bỏ đi để cháu Phong ở nhà cho anh và bố mẹ anh nuôi. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Kiều V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Hà P, sinh ngày 21/6/2018, Từ khi chị V bỏ nhà đi khi đó con chưa đủ hai tuổi, thời gian đầu do con còn nhỏ nên Anh H và gia đình có đưa con và người giúp việc lên ở cùng chị V cho có mẹ có con tuy nhiên trong thời gian cháu bé ở cùng chị V, chị V thường xuyên đi chơi không quan tâm chăm sóc cháu bé mà giao toàn bộ cho người giúp việc, để cháu gầy yếu nên ở được khoảng 02 tuần Anh H phải lên đưa con về nhà chăm sóc cháu từ tháng 03/2020 đến nay. Trong thời gian cháu P ở với Anh H, chị V rất hiếm khi về thăm con nhất là từ tháng 7/2021 cho đến ngày 01/3/2022 chị V chưa về thăm con lần nào. Cháu P do anh và bố mẹ đẻ anh nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo cẩn thận và đảm bảo rất tốt mọi điều kiện sinh hoạt, ăn ở và phát triểu của cháu. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con P và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh là Phó giám đốc Công ty TNHH L, thu nhập trung bình khoảng 50.000.000đ/tháng, anh có bố mẹ phụ giúp trong việc nuôi con, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con tốt.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kiều V trình bày:*** Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như Anh H trình bày ở trên là đúng. Sau khi kết hôn chị và Anh H đã chung sống cùng với bố mẹ chồng tại số nhà 211-213, đường Hai Bà Trưng, tổ 3 (tổ 16 cũ), phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 4/2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị đã dọn ra ở riêng. Nay Anh H xin ly hôn chị nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Hà P, sinh ngày 21/6/2018. Khi chị đi khỏi nhà chị có đưa con lên ở với chị được hai tháng. Vì dịch bệnh Covid, nên chị đã cho con về ở cùng Anh H và bố mẹ Anh H. Hiện nay con P đang ở với Anh H và bố mẹ Anh H. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm tại Công ty tập đoàn T; chị có một salon, sapa tại sảnh cư dân tòa nhà FLC C, M, N, Hà Nội. Thu nhập bình quân của chị khoảng 30.000.000đ/tháng. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Bích L, mẹ đẻ Anh H thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian mâu thuẫn như Anh H, chị V trình bày. Trong thời gian cháu P ở với Anh H và gia đình bà, cháu P được đảm bảo tốt mọi điều kiện sinh hoạt, ăn ở và việc phát triển của cháu. Anh H có công việc, thu nhập ổn định và cao so với mặt bằng chung nên đủ điều kiện để chăm sóc cháu P. Đề nghị Tòa án giao cháu P cho Anh H nuôi. Gia đình bà sẽ phụ giúp Anh H trong việc nuôi con và đảm đảm tốt mọi điều kiện sinh hoạt, ăn ở, học tập cho cháu.

*Tại biên bản xác minh với Tổ dân phố số y, phường L, thành phố T thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi chung sống như Anh H, chị V trình bày. Đến khoảng đầu năm 2020 thì không thấy chị V ở cùng Anh H và gia đình Anh H nữa và cũng rất ít khi thấy chị V về. Anh H chị V có 01 con chung là Lê Hà P, từ nhỏ đến nay, kể cả từ thời gian chị V không ở cùng Anh H, cháu P ở cùng Anh H và bố mẹ Anh H. Trong thời gian cháu P ở cùng Anh H cháu được đảm bảo tốt mọi điều kiện sinh hoạt, ăn ở và việc phát triển của cháu. Anh H có công việc, thu nhập ổn định và cao so với mặt bằng chung nên đủ điều kiện về sức khỏe, kinh tế để chăm sóc con chung. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu Phong.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 162, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho Anh H chị V được thuận tình ly hôn. Ly hôn, giao cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà P, việc cấp dưỡng Anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của Anh H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Anh H và chị V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai, đến nay Anh H và chị V đều nhất trí ly hôn, xét thấy hôn nhân giữa Anh H và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn cho Anh H và chị V.

[4] Về quan hệ con cái: Anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị Kiều V có 01 con chung là Lê Hà P, sinh ngày 21/6/2018. Xét thấy cháu P đang ở với anh H, trong thời gian cháu Phong ở với anh H được đảm bảo tốt mọi điều kiện sinh hoạt, ăn ở và việc phát triển của cháu. Anh H có đủ điều kiện nuôi con tốt và cần đảm bảo việc ở ổn định của cháu P nên cần chấp nhận yêu cầu của Anh H, giao cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hà P. Việc cấp dưỡng Anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh H, chị V đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung ai và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của Anh H nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị Kiều V thuận tình ly hôn.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hà P sinh ngày 21/6/2018. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Chị Nguyễn Thị Kiều V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị Kiều V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Lê Thanh H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng theo Biên lai số 0000465 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; anh Lê Thanh H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị Kiều V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 100 ngày 23/11/2017)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương